

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST

Ngày 23 - 7 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Thọ

Bà Hoàng Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020;

Đối với bị cáo: **Trần Ngọc S**, tên gọi khác: Trần Ngọc T, sinh ngày 02/01/2000 tại: Xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Tr, Xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định; con bà Nguyễn Thị L; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/7/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 24 tháng tù về tội “gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo hiện đang bị tạm giam về hành vi “gây rối trật tự công cộng” trong vụ án khác. Có mặt.

**- Bị hại:**

1. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1968, vắng mặt.

2. Chị Văn Thị Th, sinh năm 1968, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Nam Thượng, xã T3, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đào D C, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn Quần Đội, xã T4, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn M, xã Th, huyện T T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn Trung Thôn 2, Xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

4. Anh Đào Xuân H, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/3/2020, Trần Ngọc S điều khiển xe mô tô nhãn H Yamaha Sirius từ quán karaoke Tuần Tùng ở khu 5 thị trấn Thọ Xuân đi theo hướng công làng Nam Thượng, xã Tây Hồ để về nhà ở xã Bắc Lương. Khi đi đến cửa hàng bán tạp hóa của gia đình chị Văn Thị Th (có chồng là Hoàng Văn K), thì dừng xe lại để mua thuốc lá. S đứng ở quầy hàng khoảng 5 phút nhưng thấy không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S trèo qua tủ kính bán hàng vào bên trong, mở ngăn kéo tủ lấy 1.300.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các thẻ nạp tiền thuê bao di động do các nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel phát hành, mệnh giá thẻ từ 20.000đ đến 100.000đ rồi bỏ vào túi quần, trèo ra ngoài lên xe máy đi về nhà.

Số tài sản trộm cắp được, S đã sử dụng 2 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đ và 50.000đ nạp vào điện thoại của S để sử dụng; 01 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ bỏ vào túi quần S đã làm rơi. Số thẻ còn lại S đem bán cho cửa hàng điện thoại H Phương ở khu 5, thị trấn Thọ Xuân với số tiền 3.000.000đ. Đến ngày 10/3/2020, S đã nhờ ông Nguyễn Văn P là ông ngoại của S đến cửa hàng H Phương chuộc lại số thẻ điện thoại đã bán; 16 giờ cùng ngày S đến Công an huyện Thọ Xuân đầu thú và giao nộp gồm:

- 1.050.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

- 48 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá các loại, gồm: 27 thẻ mệnh giá 20.000đ; 11 thẻ mệnh giá 50.000đ; 10 thẻ mệnh giá 100.000đ.

- 26 thẻ cào Vinaphone mệnh giá các loại, gồm: 12 thẻ mệnh giá 20.000đ; 12 thẻ mệnh giá 50.000đ; 02 thẻ mệnh giá 100.000đ.

- 42 thẻ nạp điện thoại mạng Mobiphone mệnh giá các loại, gồm: 29 thẻ mệnh giá 20.000đ; 11 thẻ mệnh giá 50.000đ; 02 thẻ mệnh giá 100.000đ.

- 01 điện thoại di động nhãn H OPPO A5S, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng có số Imei 1: 865222045152919; Imei 2: 865222045152901.

- 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng.

Công ty Mobifone Thanh Hóa; Trung tâm kinh doanh VNPT - Thanh Hóa; Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel đều xác nhận toàn bộ số thẻ nạp điện thoại S đã giao nộp đều là thẻ do các nhà mạng phát hành và chưa qua sử dụng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho gia đình chị Văn Thị Th số tiền 1.050.000đ và tổng số 116 thẻ nạp tiền thuê bao di động các loại.

Chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản xác định thuộc quyền quản lý của anh Nguyễn Văn D. Anh D không biết S mượn xe để đi trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với số đồ vật khác Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn H OPPO A5S, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng có số Imei 1: 865222045152919; Imei 2: 865222045152901; 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng hiện đang được quản lý, nhập kho vật chứng theo quy định.

Về phần dân sự: Bị hại đã được cơ quan điều tra giao trả lại số tài sản bị mất trộm do bị cáo S tự nguyện giao nộp; đối với số tài sản còn lại bị hại không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSTX ngày 11/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Trần Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Ngọc S thừa nhận hành vi trộm cắp 1.300.000đ và 119 thẻ nạp tiền thuê bao di động các loại đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến gì về tổng giá trị của các thẻ nạp điện thoại di động là 4.660.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 06 đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được trả lại bị hại; bị hại không có yêu cầu bồi thường gì, nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng đề nghị: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn H OPPO A5S, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng; tịch thu, tiêu hủy 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng.

Về án phí đề nghị: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào 19 giờ ngày 09/3/2020 Trần Ngọc S đã có hành vi lén lút đột nhập vào bên trong quầy bán hàng của gia đình chị Văn Thị Th ở thôn Nam Thượng, xã T3, huyện T chiếm đoạt tài sản gồm: 1.300.000đ và 119 thẻ nạp tiền thuê bao di động do các nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel phát hành có giá trị là 4.660.000đ. Như vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.960.000đ (năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo Trần Ngọc S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này bị cáo chỉ vì muốn có tiền, tài sản để sử dụng tiêu xài cá nhân, mà không phải bỏ sức lao động, nên khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử và lên một mức án nghiêm minh đối với bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Ngày 13/12/2019, bị cáo S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân khởi tố về hành vi “gây rối trật tự công cộng”; đến ngày 10/7/2020 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 24 tháng tù về tội “gây rối trật tự công cộng”.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị cáo đã tự giác khắc phục hậu quả và ra tự thú, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo S đang trong thời gian bị khởi tố về tội phạm khác, nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân, lại tiếp tục phạm tội điều đó chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải, coi thường pháp luật; đến ngày 10/7/2020 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 24 tháng tù về tội “gây rối trật tự công cộng”. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt bị cáo mức án phạt tù như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Do bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, nên thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo sẽ được tính từ ngày bắt thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được Cơ quan điều tra giao trả lại số tài sản bị mất trộm do bị cáo S tự nguyện giao nộp; đối với số tài sản còn lại bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[9] Về tang vật thu giữ:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn H OPPO A5S, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng có số Imei 1: 865222045152919; Imei 2: 865222045152901, trong máy gắn hai thẻ sim có số thuê bao: 0337758230 và 0389941548; đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo S, không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng; đây là tài sản bị cáo sử dụng tiền trộm cắp để mua, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về các tình tiết liên quan: Quá trình điều tra xác định: Anh Đào Xuân H (chủ cửa hàng điện thoại H Phương) có mua thẻ nạp điện thoại di động của bị cáo S, nhưng không biết đó là tài sản do S trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với anh H là đúng theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về vật chứng: Trả lại bị cáo Trần Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn H OPPO A5S, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng có số Imei 1: 865222045152919; Imei 2: 865222045152901, trong máy gắn hai thẻ sim có số thuê bao: 0337758230 và 0389941548; Tịch thu, tiêu hủy 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng. Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 46 ngày 15/7/2020.

4. Về án phí: bị cáo Trần Ngọc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tiến**